TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 7- 2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thuận Nhi
Bà Hà Thị Minh Phượng

- *Thư ký phiên toà*: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà Lương Thị Chung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/10/2024 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Thuỳ Tr**, sinh năm 1992; Căn cước công dân số …… do Bộ Công an cấp ngày 01/4/2022; địa chỉ: Số 128 Đ, phường T, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông **Tran Cong D**, sinh năm 1987; Hộ chiếu số ….. do USA cấp ngày 07/8/2013; quốc tịch: Hoa Kỳ; Địa chỉ: Merced Avenue Baldwin Park, CA 91706, USA (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr trình bày ý kiến như sau:* Bà và ông Tran Cong D có tìm hiểu và quen nhau thông qua mai mối, đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2013 tại Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà và ông Tran Cong D có chung sống với nhau được gần 01 tháng tại khách sạn thì ông Tran Cong D trở về Mỹ. Trong khoảng thời gian này, ông bà vẫn

thường xuyên trao đổi, liên lạc với nhau về việc làm hồ sơ xin visa định cư, bảo lãnh bà sang Mỹ. Từ trước đến nay, ông Tran Cong D chỉ về Việt Nam 02 lần, ngày 10/11/2013 để tổ chức lễ đám cưới trong thời gian 03 tuần và lần thứ 02 vào năm 2014, ông D có quay về Việt Nam để dự cuộc phỏng vấn xin visa định cư của bà Thuỳ Tr và cũng ở lại trong 03 tuần nhưng kết quả phỏng vấn không đạt nên ông D không quay về lần nào nữa. Đến năm 2017, ông Tran Cong D đã tự cắt đứt mọi liên lạc với bà và vẫn im lặng cho đến hiện tại. Bà Tr nhận thấy thời gian vợ chồng ở bên nhau không nhiều, tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tran Cong D; về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn ông Tran Cong D không có văn bản phản hồi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr, vắng mặt tại phiên họp, phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Tran Cong D không thực hiện quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 127 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr được ly hôn ông Tran Cong D; về con chung, tài sản chung, nợ chung: bà Tr xác định không có, ông Tran Cong D không có ý kiến phản hồi nên không xem xét; về án phí, lệ phí, các chi phí tố tụng khác: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn cư trú tại Đà Nẵng, Việt Nam khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Tran Cong D, quốc tịch: Hoa Kỳ, cư trú tại Merced Avenue Baldwin Park, CA 91706, USA nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài cho cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ, để tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, ngày mở phiên họp, phiên tòa đối với bị đơn ông Tran Cong D. Kết quả cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp do không có người nhận tại địa chỉ yêu cầu. Vì vậy, Tòa án xử lý kết quả tống đạt theo phương thức đề nghị Đài Tiếng nói Việt Nam đăng tin thông báo trên kênh của Ban Đối ngoại - VOV5, 03 lần trong 03 ngày liên tiếp. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr về việc ly hôn với ông Tran Cong D thì thấy: Bà Tr và ông Tran Cong D đăng ký kết hôn vào ngày 09/11/2013 tại Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng (vào sổ ĐKKH số 181 quyển số 01/2013) trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống xa nhau, không có tình cảm, không yêu thương nhau và từ năm 2017 ông Tran Cong D đã cắt đức mọi liên lạc cho đến nay; bà Tr xác định vợ chồng chỉ tồn tại về mặc hình thức. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr và ông Tran Cong D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân gia đình, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr được ly hôn đối với ông Tran Cong D là phù hợp.

[4] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr xác định không có; ông Tran Cong D không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm, lệ phí và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 35, các Điều 37, 38, 147, 153, 470, điểm c khoản 6 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy Tr đối với ông Tran Cong D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr được ly hôn với ông Tran Cong D.

2. Về quan hệ con chung, tài sản: Không giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp theo Biên lai thu số 0003841 ngày 11/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà Tr đã nộp đủ.

4. Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng)* tiền lệ phí sơ thẩm về việc ủy thác tư pháp ra nước ngoài (bà Tr đã nộp đủ tại biên lai thu số 0007724 ngày 29/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng).

5. Về chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr phải chịu chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài là: 95 (chín mươi lăm) USD, chi phí đăng tin thông báo mở phiên tòa trên kênh của Ban Đối ngoại – VOV5 là 2.250.000 đồng (*Hai triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) và chi phí dịch thuật, công chứng hồ sơ ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*); bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr đã chi trả xong.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Tr có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (10/7/2025). Ông Tran Cong D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Anh Tuấn